TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỊNH BIÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/KDTM-ST
Ngày: 27/4/2021
V/v Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Minh Chuyên;

2. Ông Phạm Văn Hải.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Hiếu, Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Neàng Sa Men, Kiểm sát viên.

Ngày 27/4/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2020/TLST-KDTM ngày 20/5/2020 về "Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST-KDTM ngày 08/3/2021, quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST-KDTM ngày 31/3/2021 và thông báo thay đổi thời gian xét xử số 05/TB-TA ngày 09/4/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Tổng Công ty Viễn thông M, trụ sở: Tòa nhà M - Lô VP1, phường Y, quận C, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mạnh T - Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc K - Phụ trách Thanh toán Cước phí M tỉnh An Giang; địa chỉ cư trú: 93 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (Quyết định ủy quyền số 916/QĐ-M 9-TH ngày 16/12/2019).

Bị đơn: Công ty A, trụ sở: Tỉnh lộ 948, tổ 14, xã T, huyện B, tỉnh A.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc D; nơi cư trú: Khóm Hòa Hưng, thị trấn N, huyện B, tỉnh A.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Tổng Công ty Viễn thông M (gọi chung là công ty M) trình bày:

Công ty A đã ký kết các hợp đồng với Công ty Dịch vụ M khu vực 9, cụ thể như sau:

- Hợp đồng số 8545666 ngày 12/11/2018, số thuê bao 778545666, gói cước 18SUB1399, mua máy ưu đãi (kèm gói cước) Iphone XSMax 64G.

- Hợp đồng số 9157666 ngày 21/11/2018, số thuê bao 899157666, gói cước 18SUB1399, mua máy ưu đãi (kèm gói cước) Iphone XSMax 64G.

Nội dung hợp đồng: Công ty M cung cấp dịch vụ thuê bao di động trả sau cho Công ty A sử dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty A không thanh toán tiền cho công ty M theo thỏa thuận trong các hợp đồng đã giao kết.

Nguyên đơn công ty M khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty A thanh toán cho công ty M số tiền 37,567,139 đồng. Trong đó: Tiền cước dịch vụ viễn thông chưa thanh toán: 10,792,139 đồng, thu hồi tiền máy (do vi phạm thời gian cam kết): 26,775,000 đồng.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt hợp lệ; niêm yết các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định nhưng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt bị đơn và đã thực hiện việc thông báo (niêm yết) kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa,

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định không cung cấp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác; không yêu cầu Tòa án thu thập bổ sung chứng cứ; nguyên đơn giữ yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trong đơn khởi kiện.

- Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, còn để án quá thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về giải quyết vụ án:

Nhận thấy, các hợp đồng cung ứng dịch vụ thuê bao di động trả sau được được ký kết giữa bị đơn với nguyên đơn trên cơ sở tự nguyện, hình thức, nội dung của hợp đồng không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như đã thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tiền cước và tiền thu hồi máy, số tiền 37,567,139 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 513, 514, 519 Bộ luật dân sự và Điều 74, 85, 302, 303 Luật Thương mại.

Từ nhận định như trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 37,567,139 đồng; trong đó, cước dịch vụ viễn thông chưa thanh toán: 10,792,139 đồng, thu hồi tiền máy 26,775,000 đồng theo các hợp đồng đã giao kết. Xét, đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng cung ứng dịch vụ được xác lập giữa các cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh và cùng có mục đích lợi nhuận thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); bị đơn có trụ sở tại xã T, huyện B, tỉnh A nên Tòa án thụ lý giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

Về nội dung:

[3] Xét hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ thông tin di động mặt đất (hình thức thanh toán trả sau) số 8545666 ngày 12/11/2018 và hợp đồng số 9157666 ngày 21/11/2018 được xác lập giữa nguyên đơn và bị đơn được giao kết trên cơ sở tự nguyện; nội dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội; các bên tham gia đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia giao kết hợp đồng.

[4] Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã nhận 02 máy điện thoại nhãn hiệu Iphone XSMax 64G theo các hợp đồng đã giao kết (bị đơn có ký nhận trên biên bản bàn giao) và được nguyên đơn cung cấp dịch vụ di động mặt đất cho thuê bao số 778545666 và số 899157666.

Theo bảng kê tiền cước và truy thu tiền máy lập ngày 27/11/2019 do nguyên đơn cung cấp thể hiện:

- Số thuê bao 778545666, ngày đấu 12/11/2018, ngày cắt 28/02/2019, gói cước 18SUB1399; giá máy Iphone XSMax 64G: 23,510,000 đồng, trả khi hòa mạng: 5,660,000 đồng, miễn ký quỹ: 17,850,000 đồng; số tiền máy mỗi tháng: 991,667 đồng, số tháng cam kết: 18, số tháng đã sử dụng: 5, số tháng vi phạm: 13; thu hồi tiền máy: 12,891,667 đồng, nợ cước: 6523,300 đồng, tổng nợ: 19,414,967 đồng.

- Số thuê bao 899157666, ngày đấu 21/11/2018, ngày cắt 28/02/2019, gói cước 18SUB1399; giá máy Iphone XSMax 64G: 23,510,000 đồng, trả khi hòa mạng: 5,660,000 đồng, miễn ký quỹ: 17,850,000 đồng; số tiền máy mỗi tháng: 991,667 đồng, số tháng cam kết: 18, số tháng đã sử dụng: 4, số tháng vi phạm: 14; thu hồi tiền máy: 13,883,333 đồng, nợ cước: 4,268,839 đồng, tổng nợ: 18, 152,172 đồng.

Tổng cộng nợ cước và tiền máy thu hồi của số thuê bao 778545666 và số 899157666 là 37,567,139 đồng.

Tại bản cam kết thanh toán do bị đơn lập có thể hiện nội dung:

Trong thời gian cam kết, nếu bất kỳ thuê bao nào trong danh sách trên dừng, hủy hoặc không thực hiện các nghĩa vụ thanh toán theo cam kết, chúng tôi đồng ý chịu mức bồi hoàn giá trị vi phạm cam kết tương ứng với thời gian còn lại của thuê bao đó.

Khoản 1 Điều 85 Luật Thương mại năm 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: *Trừ trường hợp có thoả thuận khác, khách hàng có nghĩa vụ thanh toán tiền cung ứng dịch vụ như đã thoả thuận trong hợp đồng.*

Bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo các hợp đồng đã xác lập. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 37,567,139 đồng; trong đó, cước dịch vụ viễn thông chưa thanh toán: 10,792,139 đồng, thu hồi tiền máy 26,775,000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về án phí:

Bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền 37,567,139 đồng nên phải chịu 3.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí; hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 513, 514, 519 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 74, 85 Luật Thương mại năm 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng Công ty Viễn thông M.

Buộc bị đơn Công ty A có trách nhiệm thanh toán cho Tổng Công ty Viễn thông M số tiền: 37,567,139 (*ba mươi bảy triệu, năm trăm sáu mươi bảy nghìn, một trăm ba mươi chín)* đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn Công ty A phải chịu 3.000.000 (*ba triệu*) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Nguyên đơn Tổng Công ty Viễn thông M không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 3.000.000 (*ba triệu*) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số TU/2017/0009331 ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

[3] Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận tống đạt hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát huyện Tịnh Biên (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án Dân sự huyện Tịnh Biên (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Tâm